

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁT TRÍ
QUYỂN 15

Chương 6: CĂN UẨN

Phẩm 2: BÀN VỀ HỮU

*Đạt được một-biết tất cả ba,
Quả Sa môn gồm có chín đoạn,
Bốn trí gồm có pháp-loại trí,
Duyên tương ứng cùng với năm môn,
Căn học và vô học đạt được
Dùng đạo vô gián chứng bốn quả,
Có bao nhiêu căn đoạn-diệt-khởi,
Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Hỏi: Dục hữu nối tiếp nhau, đầu tiên do bao ban đầu do bao nhiêu nghiệp mà sinh ra căn?

Đáp: Noãn sinh, thai sinh, thấp sinh có hai; hóa sinh có sáu, hoặc bảy, hoặc tám; vô hình có sáu, một hình bảy, hai hình có tám.

Hỏi: Sắc hữu nối tiếp nhau, ban đầu do bao nhiêu nghiệp mà sinh ra căn?

Đáp: Sáu.

Hỏi: Vô sắc hữu nối tiếp nhau, ban đầu do bao nhiêu nghiệp mà sinh ra căn?

Đáp: Một.

Hỏi: Có thể tư duy về các pháp hệ thuộc cõi Dục thì biết tất cả cõi Dục chẳng?

Đáp: Biết tất cả.

Hỏi: Có thể tư duy về các pháp hệ thuộc cõi Dục thì biết tất cả cõi Sắc chẳng?

Đáp: Không biết tất cả.

Hỏi: Có thể tư duy về các pháp hệ thuộc cõi Dục thì biết tất cả cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Không biết tất cả.

Hỏi: Có thể tư duy về các pháp hệ thuộc cõi Sắc thì biết tất cả cõi Sắc chăng?

Đáp: Biết tất cả.

Hỏi: Có thể tư duy về các pháp hệ thuộc cõi Sắc thì biết tất cả cõi Dục chăng?

Đáp: Biết tất cả.

Hỏi: Có thể tư duy về các pháp hệ thuộc cõi Sắc thì biết tất cả cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Không biết tất cả.

Hỏi: Có thể tư duy về các pháp hệ thuộc cõi Vô sắc thì biết tất cả cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Biết tất cả.

Hỏi: Có thể tư duy về các pháp hệ thuộc cõi Vô sắc thì biết tất cả cõi Dục chăng?

Đáp: Không biết tất cả.

Hỏi: Có thể tư duy về các pháp hệ thuộc cõi Vô sắc thì biết tất cả cõi Sắc chăng?

Đáp: Biết tất cả.

Hỏi: Có bao nhiêu căn biết tất cả cõi Dục?

Đáp: Đạo thế tục có bảy, đạo vô lậu tám.

Hỏi: Có bao nhiêu căn biết tất cả cõi Sắc?

Đáp: Đạo thế tục có bảy, đạo vô lậu có mười.

Hỏi: Có bao nhiêu căn biết tất cả cõi Vô sắc?

Đáp: Mười một.

Hỏi: Khi biết tất cả cõi Dục, thì có bao nhiêu căn biết tất cả?

Đáp: Có bốn.

Hỏi: Khi đã biết tất cả cõi Sắc thì có bao nhiêu căn biết tất cả?

Đáp: Có năm.

Hỏi: Khi biết tất cả cõi Vô sắc thì có bao nhiêu căn biết tất cả?

Đáp: Có tám.

Hỏi: Có bao nhiêu căn được quả Dự lưu?

Đáp: Có chín.

Hỏi: Có bao nhiêu căn được quả Nhất lai?

Đáp: Nếu lìa dục nhiễm gấp bội, nhập Chánh tánh ly sinh thì có

chín, nếu từ quả Dự lưu, được quả Nhất lai thì đạo thế tục có bảy, đạo vô lậu có tám.

Hỏi: Có bao nhiêu căn được quả Bất hoàn?

Đáp: Nếu người đã liạ dục nhiễm, nhập Chánh tánh ly sinh thì có chín. Nếu từ quả Nhất lai, được quả Bất hoàn thì đạo thế tục có bảy, đạo vô lậu tám.

Hỏi: Có bao nhiêu căn được quả A-la-hán?

Đáp: Có mười một.

Hỏi: Được quả Dự lưu có bao nhiêu căn biết tất cả?

Đáp: Không có.

Hỏi: Được quả Nhất lai có bao nhiêu căn biết tất cả?

Đáp: Không có.

Hỏi: Được quả Bất hoàn có bao nhiêu căn biết tất cả?

Đáp: Nếu người đã liạ dục nhiễm, nhập Chánh tánh ly sinh thì không có. Nếu từ quả Nhất lai, được quả Bất hoàn thì có bốn.

Hỏi: Được quả A-la-hán có bao nhiêu căn biết tất cả?

Đáp: Có tám.

Hỏi: Các căn được quả Dự lưu, căn này được quả ấy rồi, nên nói là thành tựu hay là không thành tựu?

Đáp: Thuộc về đạo giải thoát thì nói là thành tựu, thuộc về đạo vô gián thì nói là không thành tựu.

Hỏi: Các căn được quả Nhất lai, quả Bất hoàn, quả A-la-hán, căn này được các quả ấy rồi, nên nói là thành tựu hay là không thành tựu?

Đáp: Thuộc về đạo giải thoát thì nói là thành tựu, thuộc về đạo vô gián thì nói là không thành tựu.

Hỏi: Các căn được quả Dự lưu, căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Dự lưu, hoặc không có.

Hỏi: Các căn được quả Nhất lai, căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Dục, hoặc cõi Sắc-Vô sắc, hoặc không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Nhất lai, hoặc không có.

Hỏi: Các căn được quả Bất hoàn, căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Dục, hoặc cõi Sắc-Vô sắc, hoặc không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Bất hoàn, hoặc không có.

Hỏi: Các căn được quả A-la-hán, căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Vô sắc, hoặc không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-la-hán, hoặc không có.

Hỏi: Lúc được quả Dự lưu là đã xả các căn, thì căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Dục, hoặc cõi Sắc-Vô sắc, hoặc không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Khi được quả Nhất lai là đã xả các căn, thì căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Dục, hoặc cõi Sắc-Vô sắc, hoặc không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Dự lưu, hoặc không có.

Hỏi: Khi được quả Bất hoàn là đã xả các căn, thì căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Dục, hoặc cõi Sắc-Vô sắc, hoặc không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Nhất lai, hoặc không có.

Hỏi: Khi đắc quả A-la-hán là đã xả các căn, thì căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Sắc, hoặc cõi Vô sắc, hoặc không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Bất hoàn, hoặc không có.

Hỏi: Khi đạt được quả Dự lưu là đã được các căn, thì căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Dự lưu, hoặc không có.

Hỏi: Khi đạt được quả Nhất lai là đã được các căn, thì căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Nhất lai, hoặc không có.

Hỏi: Khi đạt được quả Bất hoàn là đã được các căn, thì căn này

đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Bất hoàn, hoặc không có.

Hỏi: Khi đạt được quả A-la-hán là đã được các căn, thì căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-la-hán, hoặc không có.

Hỏi: Những người Dự lưu đã thành tựu căn, thì căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Dục, hoặc không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Dự lưu, hoặc không có.

Hỏi: Những người Nhất lai đã thành tựu căn, thì căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Dục, hoặc không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Nhất lai, hoặc không có.

Hỏi: Những người Bất hoàn đã thành tựu căn, thì căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Sắc, hoặc cõi Vô sắc, hoặc không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả Bất hoàn, hoặc không có.

Hỏi: Những người A-la-hán đã thành tựu căn, thì căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Thuộc về quả A-la-hán, hoặc không có.

Hỏi: Những người Dự lưu đoạn trừ kiết do các căn, thì căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Dục.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Những người Nhất lai đoạn trừ kiết do các căn, thì căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Dục.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Những người Bất hoàn đoạn trừ kiết do các căn, thì căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Cõi Sắc, hoặc cõi Vô sắc.

Hỏi: Căn này thuộc về quả nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Các căn thuộc về quả Dự lưu, thì căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Các căn thuộc về quả Nhất lai, quả Bất hoàn, quả A-la-hán, thì căn này đoạn trừ kiết của cõi nào?

Đáp: Không có.

Hỏi: Các khổ trí là trí vô lậu đối với khổ chăng?

Đáp: Các khổ trí là trí vô lậu về khổ.

Hỏi: Nếu trí vô lậu đối với khổ thì đó là khổ trí chăng?

Đáp: Có trí vô lậu đối với khổ mà không phải là khổ trí, nghĩa là trí đối với khổ nhận biết về tập.

Hỏi: Các tập trí là trí vô lậu đối với tập chăng?

Đáp: Các tập trí là trí vô lậu về tập.

Hỏi: Nếu trí vô lậu đối với tập thì đó là tập trí chăng?

Đáp: Có trí vô lậu đối với tập mà không phải là tập trí, nghĩa là trí đối với tập nhận biết về khổ.

Hỏi: Các diệt trí là trí vô lậu đối với diệt chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu trí vô lậu đối với diệt thì đó là diệt trí chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Các đạo trí là trí vô lậu đối với đạo chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu trí vô lậu đối với đạo thì đó là đạo trí chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Các căn vô lậu duyên hệ thuộc cõi Dục, thì căn này tương ứng với pháp trí chăng? Nếu căn vô lậu tương ứng với pháp trí, thì căn này duyên hệ thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có căn vô lậu duyên hệ thuộc cõi Dục mà căn này không tương ứng với pháp trí, nghĩa là khổ pháp trí nhãn và căn tương ứng với khổ pháp trí, tập pháp trí nhãn và căn tương ứng với tập pháp trí.

2. Có căn vô lậu tương ứng với pháp trí mà căn này không duyên

hệ thuộc cõi Dục, nghĩa là căn tương ứng với diệt-đạo pháp trí.

3. Có căn vô lậu duyên hệ thuộc cõi Dục mà căn này cũng tương ứng với pháp trí, nghĩa là căn tương ứng với khổ-tập pháp trí.

4. Có căn vô lậu không duyên hệ thuộc cõi Dục mà căn này cũng không tương ứng với pháp trí, nghĩa là khổ loại trí của khổ loại trí nhân và hai căn tương ứng; tập loại trí, tập loại trí nhân và hai căn tương ứng; diệt pháp trí nhân và căn tương ứng với diệt pháp trí; diệt loại trí nhân-diệt loại trí và hai căn tương ứng; đạo pháp trí nhân và căn tương ứng với đạo pháp trí; tạo loại trí nhân-đạo loại trí và hai căn tương ứng.

Hỏi: Các căn vô lậu duyên hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, thì căn này tương ứng với loại trí chăng? Nếu căn vô lậu tương ứng với loại trí, thì căn này duyên hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có căn vô lậu duyên hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc mà căn này không tương ứng với loại trí, nghĩa là khổ loại trí nhân và căn tương ứng với khổ loại trí, tập loại trí nhân và căn tương ứng với tập loại trí.

2. Có căn vô lậu tương ứng với loại trí, căn này không duyên hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, nghĩa là căn tương ứng với diệt-đạo loại trí.

3. Có căn vô lậu duyên hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc mà căn này cũng tương ứng với loại trí, nghĩa là căn tương ứng với khổ-tập loại trí.

4. Có căn vô lậu không duyên hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc mà căn này cũng không tương ứng với loại trí, nghĩa là khổ pháp trí nhân, khổ pháp trí và hai căn tương ứng; tập pháp trí nhân-tập pháp trí và hai căn tương ứng, diệt pháp trí nhân-diệt pháp trí và hai căn tương ứng; diệt loại trí nhân và căn tương ứng với diệt loại trí; đạo pháp trí nhân-đạo pháp trí và hai căn tương ứng; đạo loại trí nhân và căn tương ứng với đạo loại trí.

Hỏi: Pháp trí, nên nói là pháp trí chăng? Hay nên nói là loại trí, tha tâm trí, thế tục trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí chăng?

Đáp: Nên nói là pháp trí, hoặc tha tâm trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí.

Hỏi: Nên nói là có tâm-có tứ; không có tâm, chỉ có tứ; không có tâm-không có tứ chăng?

Đáp: Nên nói đủ ba loại.

Hỏi: Nên nói tương ứng với lạc căn, tương ứng với hỷ căn hay là tương ứng với xả căn?

Đáp: Nên nói đủ ba căn.

Hỏi: Nên nói tương ứng với Không-Vô tướng-Vô nguyện chăng?

Đáp: Nên nói đủ ba loại.

Hỏi: Nên nói duyên hệ thuộc cõi Dục, duyên hệ thuộc cõi Sắc, duyên hệ thuộc cõi Vô sắc, hay là duyên không hệ thuộc?

Đáp: Nên nói duyên hệ thuộc cõi Dục, hoặc không hệ thuộc.

Hỏi: Loại trí, nên nói là loại trí chẳng? Hay nên nói là pháp trí, tha tâm trí, thế tục trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí?

Đáp: Nên nói là loại trí, hoặc tha tâm trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí.

Hỏi: Nên nói là có tâm-có tứ; không có tâm-chỉ có tứ; không có tâm-không có tứ chẳng?

Đáp: Nên nói đủ ba loại.

Hỏi: Nên nói tương ứng với lạc căn, tương ứng với hỷ căn hay là tương ứng với xả căn?

Đáp: Nên nói đủ ba căn.

Hỏi: Nên nói tương ứng với Không-Vô tướng-Vô nguyện chẳng?

Đáp: Nên nói đủ ba loại.

Hỏi: Nên nói duyên hệ thuộc cõi Dục, duyên hệ thuộc cõi Sắc, duyên hệ thuộc cõi Vô sắc, hay là duyên không hệ thuộc?

Đáp: Nên nói duyên hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, hoặc không hệ thuộc.

Hỏi: Lúc tâm giải thoát, nên nói căn học đạt được, căn vô học đạt được, hay là căn học đạt được, vô học?

Đáp: Nên nói đạt được căn học-vô học.

Hỏi: Tâm bất động giải thoát, nên nói là căn học đạt được, căn vô học đạt được, hay là căn học-vô học đạt được?

Đáp: Nếu vốn đạt được bất động, nên nói là căn học, vô học đạt được. Nếu lúc A-la-hán giải thoát đạt được bất động, thì nên nói là căn vô học đạt được.

Hỏi: Tất cả kiết trừ hết, nên nói là căn học đạt được, căn vô học đạt được, hay là căn học-vô học đạt được?

Đáp: Nên nói là căn học, vô học đạt được.

Hỏi: Dùng đạo vô gián để chứng quả Dự lưu, cho đến quả A-la-hán. Đạo này nên nói là pháp trí tương ứng với loại trí, tha tâm trí, thế tục trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí? Nên nói là có tâm-có tứ, không có tâm-chỉ có tứ; không có tâm-không có tứ chẳng? Nên nói là tương ứng với lạc căn, hỷ căn, xả căn chẳng? Nên nói tương ứng với Không-Vô tướng-Vô nguyện chẳng? Nên nói là duyên hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc hay không hệ thuộc?

Đáp: Dùng đạo vô gián để chứng quả Dự lưu, thì đạo này nên nói là tương ứng với có tâm-có tứ, tương ứng với xả căn, tương ứng với Vô nguyện, duyên không hệ thuộc.

Dùng đạo vô gián để chứng quả Nhất lai. Nếu tăng thêm lìa dục nhiễm, nhập Chánh tánh ly sinh ra như nói về chứng quả Dự lưu.

Nếu từ quả Dự lưu, dùng đạo thế tục để chứng quả Nhất lai, thì đạo này nên nói là thế tục trí tương ứng với có tâm-có tứ, tương ứng với xả căn, duyên hệ thuộc cõi Dục.

Nếu từ quả Dự lưu, dùng đạo vô lậu để chứng quả Nhất lai, thì đạo này nên nói tương ứng với pháp trí, hoặc khổ trí-tập trí-diệt trí; hoặc tương ứng với đạo trí; tương ứng với có tâm-có tứ, tương ứng với xả căn, tương ứng với Không, hoặc Vô nguyện, Vô tướng, hoặc duyên hệ thuộc cõi Dục, hoặc duyên không hệ thuộc.

Dùng đạo vô gián để chứng quả Bất hoàn, nếu đã lìa dục nhiễm, nhập Chánh tánh ly sinh, thì đạo này nên nói là tương ứng với nhãn, hoặc có tâm-có tứ; hoặc không có tâm, chỉ có tứ; hoặc không có tâm-không có tứ; hoặc tương ứng với lạc căn, hoặc tương ứng với hỷ căn, hoặc tương ứng với xả căn, tương ứng với vô nguyện, duyên không hệ thuộc.

Nếu từ quả Nhất lai, dùng đạo thế tục để chứng quả Bất hoàn, thì như nói về dùng đạo thế tục để chứng quả Nhất lai.

Nếu từ quả Nhất lai, dùng đạo vô lậu để chứng quả Bất hoàn, thì như nói về dùng đạo vô lậu để chứng quả Nhất lai.

Dùng đạo vô gián để chứng quả A-la-hán, thì đạo này nên nói hoặc tương ứng với pháp trí, hoặc tương ứng với loại trí, hoặc tương ứng với khổ trí; hoặc tập trí, hoặc diệt trí, hoặc đạo trí, hoặc có tâm có tứ, hoặc không có tâm chỉ có tứ, hoặc không có tâm không có tứ; hoặc tương ứng với lạc căn, hoặc tương ứng với hỷ căn, hoặc tương ứng với xả căn, hoặc tương ứng với không, hoặc tương ứng với vô nguyện, hoặc tương ứng với vô tướng, hoặc duyên hệ thuộc cõi Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn vĩnh viễn đoạn, diệt-khởi chứng đắc quả Dự lưu?

Đáp: Không có căn vĩnh viễn đoạn; bảy căn diệt-khởi; một căn diệt không khởi; một căn khởi, không diệt thì được quả Dự lưu.

Hỏi: Có bao nhiêu căn vĩnh viễn đoạn-diệt-khởi đạt được quả Nhất lai?

Đáp: Nếu tăng thêm lìa dục nhiễm, nhập Chánh tánh ly sinh, thì

như nói về chứng quả Dự lưu.

Nếu từ quả Dự lưu, dùng đạo thế tục để chứng quả Nhất lai, thì không có căn vĩnh viễn đoạn; bảy căn diệt-khởi, được quả Nhất lai.

Nếu từ quả Dự lưu, dùng đạo vô lậu để chứng quả Nhất lai, thì không có căn vĩnh viễn đoạn; tám căn diệt-khởi, được quả Nhất lai.

Hỏi: Có bao nhiêu căn vĩnh viễn đoạn-diệt-khởi đạt được quả Bất hoàn?

Đáp: Nếu đã lìa dục nhiễm, nhập Chánh tánh ly sinh, không có căn vĩnh viễn đoạn; bảy căn diệt-khởi, một căn diệt, không khởi; một căn khởi, không diệt được quả Bất hoàn.

Nếu từ quả Nhất lai, dùng đạo thế tục để chứng quả Bất hoàn, thì không nhập tĩnh lự, bốn căn vĩnh viễn đoạn; bảy căn diệt-khởi, được quả Bất hoàn. Nếu nhập tĩnh lự, thì bốn căn vĩnh viễn đoạn; sáu căn diệt-khởi; một căn diệt, không khởi; một căn khởi, không diệt, được quả Bất hoàn.

Nếu từ quả Nhất lai, dùng đạo vô lậu để chứng quả Bất hoàn, thì không nhập tĩnh lự, bốn căn vĩnh viễn đoạn; tám căn diệt-khởi, được quả Bất hoàn. Nếu nhập tĩnh lự, thì bốn căn vĩnh viễn đoạn, bảy căn diệt-khởi; một căn diệt, không khởi; một căn khởi, không diệt, được quả Bất hoàn.

Hỏi: Có bao nhiêu căn vĩnh viễn đoạn-diệt khởi, đạt được quả A-la-hán?

Đáp: Nếu dựa vào vị chí định chứng quả A-la-hán, thì một căn vĩnh viễn đoạn, bảy căn vĩnh viễn đoạn, diệt-khởi; một căn diệt, không khởi; một căn khởi, không diệt, được quả A-la-hán. Như dựa vào vị chí định, dựa vào trung gian tĩnh lự, tĩnh lự thứ tư, ba định vô sắc cũng như vậy.

Nếu dựa vào sơ tĩnh lự chứng quả A-la-hán, thì hai căn vĩnh viễn đoạn; sáu căn vĩnh viễn đoạn, diệt-khởi; một căn diệt-khởi; một căn diệt, không khởi; một căn khởi, không diệt, được quả A-la-hán. Như dựa vào sơ tĩnh lự, dựa vào tĩnh lự thứ hai-thứ ba cũng như vậy.

Phẩm 3: BÀN VỀ XÚC

*Mười sáu xúc thâm nhiếp lẫn nhau,
Căn tương ứng cùng với thành tựu,
Biết khắp tất cả-diệt tác chứng,
Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Có mười sáu xúc: Xúc hữu đối, xúc tăng ngữ, xúc minh, xúc vô minh, xúc phi minh phi vô minh, xúc ái, xúc giận dữ, xúc thuận với lạc thọ, xúc thuận với khổ thọ, xúc thuận với bất khổ bất lạc thọ, xúc nhãn, xúc nhĩ, xúc tỷ, xúc thiệt, xúc thân, xúc ý.

Hỏi: Thế nào là xúc hữu đối?

Đáp: Xúc tương ứng với năm thức thân.

Hỏi: Thế nào là xúc tăng ngữ?

Đáp: Xúc tương ứng với ý thức thân.

Hỏi: Thế nào là xúc minh?

Đáp: Xúc vô lậu.

Hỏi: Thế nào là xúc vô minh?

Đáp: Xúc ô nhiễm.

Hỏi: Thế nào là xúc phi minh, phi vô minh?

Đáp: Xúc hữu lậu không nhiễm.

Hỏi: Thế nào là xúc ái?

Đáp: Xúc tương ứng với tham.

Hỏi: Thế nào là xúc giận dữ?

Đáp: Xúc tương ứng với giận.

Hỏi: Thế nào là xúc thuận với lạc thọ?

Đáp: Xúc tương ứng với lạc thọ.

Hỏi: Thế nào là xúc thuận với khổ thọ?

Đáp: Xúc tương ứng với khổ thọ.

Hỏi: Thế nào là xúc thuận với bất khổ bất lạc thọ?

Đáp: Xúc tương ứng với bất khổ bất lạc thọ.

Hỏi: Thế nào là xúc nhãn?

Đáp: Xúc tương ứng với nhãn thức thân.

Hỏi: Thế nào là xúc nhĩ?

Đáp: Xúc tương ứng với thân nhĩ thức.

Hỏi: Thế nào là xúc tỷ?

Đáp: Xúc tương ứng với thân tỷ thức.

Hỏi: Thế nào là xúc thiệt?

Đáp: Xúc tương ứng với thiệt thức thân.

Hỏi: Thế nào là xúc thân?

Đáp: Xúc tương ứng với thân thức của thân.

Hỏi: Thế nào là xúc ý?

Đáp: Xúc tương ứng với ý thức thân.

Hỏi: Xúc hữu đối thân nhiếp bao nhiêu xúc? Cho đến xúc ý thân nhiếp bao nhiêu xúc?

Đáp: Xúc hữu đối thân nhiếp toàn bộ sáu xúc và phần ít của bảy xúc.

Xúc tăng ngữ thân nhiếp toàn bộ ba xúc và phần ít của bảy xúc. Xúc minh thân nhiếp toàn bộ xúc minh và phần ít của bốn xúc. Xúc vô minh thân nhiếp toàn bộ ba xúc và phần ít của mười một xúc. Xúc phi minh, phi vô minh thân nhiếp toàn bộ xúc phi minh phi vô minh và phần ít của mười một xúc. Xúc ái thân nhiếp toàn bộ xúc ái và phần ít của mười một xúc. Xúc giận dữ thân nhiếp toàn bộ xúc dữ và phần ít của mười một xúc. Xúc thuận với lạc thọ toàn bộ xúc thuận với lạc thọ và phần ít của mười hai xúc. Xúc thuận với khổ thọ thân nhiếp toàn bộ xúc thuận với khổ thọ và phần ít của mười một xúc. Xúc thuận với bất khổ bất lạc thọ thân nhiếp toàn bộ xúc thuận với bất khổ bất lạc thọ và phần ít của mười ba xúc. Xúc thân nhiếp toàn bộ xúc nhãn và phần ít của tám xúc. Như xúc nhãn, xúc nhĩ-xúc tỷ-xúc thiệt-xúc thân cũng như vậy. Xúc ý thân nhiếp toàn bộ ba xúc và phần ít của bảy xúc.

Hỏi: Xúc hữu đối tương ứng với bao nhiêu căn? Cho đến xúc ý tương ứng với bao nhiêu căn?

Đáp: Xúc hữu đối tương ứng toàn bộ một căn và phần ít của tám căn. Xúc tăng ngữ tương ứng toàn bộ năm căn và phần ít của tám xúc minh tương ứng toàn bộ ba căn phần ít của chín căn. Xúc vô minh tương ứng phần ít của sáu căn. Xúc phi minh phi vô minh tương ứng phần ít của mười một căn. Xúc ái tương ứng phần ít của bốn căn. Xúc giận dữ tương ứng phần ít của bốn căn. Xúc thuận với lạc thọ tương ứng toàn bộ hai căn và phần ít của chín căn, xúc thuận với khổ thọ tương ứng toàn bộ hai căn và phần ít của sáu căn. Xúc thuận với bất khổ bất lạc thọ tương ứng toàn bộ một căn và phần ít của chín căn. Xúc nhãn tương ứng với phần ít của chín căn. Như xúc nhãn, xúc nhĩ, xúc tỷ, xúc thiệt, xúc thân cũng như vậy. Xúc ý tương ứng toàn bộ năm căn và phần ít của tám căn.

Hỏi: Các căn là nhân của xúc hữu đối thì căn này tương ứng với xúc hữu đối chăng?

Đáp: Các căn tương ứng với xúc hữu đối thì căn này là nhân của xúc hữu đối.

Hỏi: Nếu căn tương ứng với xúc hữu đối thì căn này là nhân của xúc hữu đối chăng?

Đáp: Có căn là nhân của xúc hữu đối thì căn này không phải tương ứng với xúc hữu đối, nghĩa là căn làm nhân của xúc hữu đối, tương ứng với xúc khác, và dị thực sinh không hữu sở duyên.

Như xúc hữu đối, trừ ra xúc minh và xúc phi minh, phi vô minh, các xúc còn lại cũng như vậy.

Hỏi: Các căn là nhân của xúc minh thì căn này tương ứng với xúc minh chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu căn tương ứng với xúc minh thì căn này là nhân của xúc minh chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Các căn là nhân của xúc phi minh, phi vô minh thì căn này tương ứng với xúc phi minh, phi vô minh chăng?

Đáp: Các căn tương ứng với xúc phi minh, phi vô minh thì căn này là nhân của xúc phi minh, phi vô minh.

Hỏi: Nếu căn tương ứng với xúc phi minh, phi vô minh thì căn này là nhân của xúc phi minh, phi vô minh chăng?

Đáp: Có căn là nhân của xúc phi minh, phi vô minh thì căn này không tương ứng với xúc phi minh, phi vô minh, nghĩa là căn làm nhân của xúc phi minh, phi vô minh, tương ứng với xúc khác, và dị thực sinh không hữu sở duyên.

Hỏi: Thành tựu nhãn căn loại này thì lúc ấy thành tựu thân căn loại này chăng? Giả sử thành tựu thân căn loại này thì lúc ấy thành tựu nhãn căn loại này chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có thành tựu nhãn căn loại này mà không phải thân căn loại này, nghĩa là sinh nơi cõi Dục, không được thân căn, giả sử được rồi mất, được nhãn căn nơi cõi Sắc.

2. Có thành tựu thân căn loại này mà không phải nhãn căn loại này, nghĩa là sinh nơi cõi Dục, không được nhãn căn, giả sử được rồi mất, không được nhãn căn cõi Sắc.

3. Có thành tựu nhãn căn loại này mà cũng là thân căn loại này, nghĩa là sinh nơi cõi Dục, nhãn căn, đã được không mất, hoặc sinh nơi cõi Sắc.

4. Không thành tựu về nhãn căn loại này mà cũng không phải là thân căn loại này, nghĩa là sinh nơi cõi Vô sắc.

Như nhãn căn, nhĩ căn cũng như vậy.

Hỏi: Thành tựu tử căn loại này thì lúc ấy thành tựu về thân căn loại này chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tử căn loại này thì lúc ấy thành tựu thân căn loại này.

Hỏi: Nếu thành tựu thân căn loại này thì lúc ấy thành tựu tử căn loại này chăng?

Đáp: Có thành tựu thân căn loại này mà không thành tựu tử căn loại này, nghĩa là sinh nơi cõi Dục, không được tử căn, giả sử được rồi mất. Như tử căn; thiệt căn cũng như vậy.

Hỏi: Địa ngục thành tựu bao nhiêu căn? Bàn sinh cho đến các vô sắc, tùy tín hành cho đến câu giải thoát thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Địa ngục nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là tám căn. Bàn sinh nhiều nhất là mười chín căn ít nhất là mười ba căn. Cõi ngạ quỷ cũng như vậy. Kẻ đoạn căn thiện nhiều nhất là mười ba căn, ít nhất là tám căn. Tà định tụ nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười tám căn. Chánh định tụ nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười một căn. Bất định tụ nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là tám căn. Châu Thiệm-bộ nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là tám căn. Châu Tỳ-đề-ha, châu Cù-đà-ni cũng như vậy. Châu Câu-lô nhiều nhất là mười tám căn, ít nhất là mười ba căn.

Trời tứ đại vương chúng nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười bảy căn. Trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc biến-hóa, trời Tha-hóa-tự-tại cũng như vậy. Trời Phạm chúng nhiều nhất là mười sáu căn, ít nhất là mười lăm căn. Trời Cực quang tịnh cũng như vậy. Trời Biến tịnh nhiều nhất là mười sáu căn, ít nhất là mười bốn căn. Trời Quảng quả nhiều nhất là mười sáu căn, ít nhất là mười ba căn. Trung hữu nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười ba căn. Các vô sắc nhiều nhất là mười một căn, ít nhất là tám căn. Tùy tín hành nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười ba căn. Tùy pháp hành cũng như vậy. Tín thắng giải nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười một căn. Kiến chí cũng như vậy. Thân chứng nhiều nhất là mười tám căn, ít nhất là mười một căn. Tuệ giải thoát, câu giải thoát cũng như vậy.

Hỏi: Nhãn căn cho đến tuệ căn, khi được có bao nhiêu căn biết tất cả được biết tất cả?

Đáp: Khi nhãn căn được biết tất cả, đến lìa sắc nhiệm có năm căn được biết tất cả. Nhĩ-tỷ-thiệt-thân căn cũng như vậy.

Khi nữ căn được biết tất cả, đến lìa dục nhiệm có bốn căn được

biết tất cả. Nam căn, khổ căn, ưu căn cũng như vậy.

Khi mạng căn được biết tất cả, đến lìa vô sắc nhiễm có tám căn được biết tất cả. Ý căn, xả căn, năm căn như tín... cũng như vậy.

Khi lạc căn được biết tất cả, đến lìa nhiễm cõi Biến tịnh, thì lạc căn được biết tất cả. Lúc hỷ căn được biết tất cả, đến lìa nhiễm cõi Cực quang tịnh, thì hỷ căn được biết tất cả.

Hỏi: Nhân căn cho đến tuệ căn, khi diệt tác chứng có bao nhiêu căn diệt tác chứng?

Đáp: Khi nhân căn diệt tác chứng, đến lìa sắc nhiễm, năm căn diệt tác chứng, đến A-la-hán mười chín căn diệt tác chứng. Nhĩ-tỷ-thiệt-thân căn cũng như vậy. Khi nữ căn diệt tác chứng, đến lìa dục nhiễm, có bốn căn diệt tác chứng, đến A-la-hán có mười chín căn diệt tác chứng. Nam căn, khổ căn, ưu căn cũng như vậy. Khi mạng căn diệt tác chứng, đến A-la-hán có mười chín căn diệt tác chứng. Ý căn, xả căn, năm căn như tín... cũng như vậy. Khi lạc căn diệt tác chứng, đến lìa nhiễm nơi cõi Biến tịnh, thì lạc căn diệt tác chứng, đến A-la-hán có mười chín căn diệt tác chứng. Khi hỷ căn diệt tác chứng, đến lìa nhiễm cõi Cực quang tịnh, thì hỷ căn diệt tác chứng, đến A-la-hán có mười chín căn diệt tác chứng.

Phẩm 4: BÀN VỀ ĐẲNG TÂM

*Đẳng tâm-thọ mạng và hai định,
Vô tướng-thâu nhiếp và tương ưng,
Phạm vi tử-sinh và Niết bàn,
Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Hỏi: Tâm của tất cả hữu tình, nên nói là cùng khởi-cùng trụ-cùng diệt chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Tâm hữu tham, tâm lìa tham, nên nói là cùng khởi-cùng trụ-cùngg diệt chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Hữu sân-lìa sân, hữu si- lìa si, rời rạc-sơ lược, lùi xuống-đưa lên, lớn-nhỏ, trạo cử-không trạo cử, vắng lặng-không vắng lặng-không định tu-không tu, giải thoát-không giải thoát, các tâm đúng như vậy nên nói là cùng khởi-cùng trụ-cùngg diệt chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Thọ mạng nên nói là tùy tâm chuyển hay không tùy tâm chuyển?

Đáp: Không tùy tâm chuyển.

Hỏi: Nên nói tùy chuyển nối tiếp nhau là cùng khởi thì trụ chẳng?

Đáp: Nếu hữu tình nơi cõi Dục không trụ nơi các đẳng chí (định)- vô tướng-diệt tận, thì nên nói tùy chuyển biến nối tiếp nhau. Nếu trụ nơi đẳng chí-vô tướng-diệt tận, và hữu tình của cõi Sắc-Vô sắc, nên nói cùng khởi ấy là trụ

Hỏi: Trụ nơi đẳng chí-vô tướng-diệt tận thì thọ mạng nên nói chuyển là trụ chẳng?

Đáp: Nên nói là chuyển, như Đức Thế Tôn nói: “Thọ mạng của con người dần hết, như nước sông nhỏ”.

Hỏi: Nếu thọ mạng của các hữu tình khởi, thì trụ, làm sao biết được thọ mạng ấy dần hết?

Đáp: Bởi vì đời hết cho nên kiếp hết.

Hỏi: Nhập định vô tướng có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Có bảy.

Hỏi: Tâm-tâm sở diệt hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Xuất định vô tướng có bao nhiêu căn hiện tiền?

Đáp: Có bảy.

Hỏi: Tâm-tâm sở hiện tiền hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Nhập định diệt tận có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Có bảy.

Hỏi: Tâm-tâm sở diệt hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Xuất định diệt tận có bao nhiêu căn hiện tiền?

Đáp: Hoặc bảy, hoặc tám. Tâm hữu lậu bảy, tâm vô lậu là tám.

Hỏi: Tâm-tâm sở hiện tiền hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc.

Hỏi: Sinh Vô tướng Thiên có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Có tám.

Hỏi: Tâm-tâm sở diệt hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện tiền?

Đáp: Có tám.

Hỏi: Tâm-tâm sở hiện tiền hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Vô tướng Thiên mất có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Có tám.

Hỏi: Tâm-tâm sở diệt hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện tiền?

Đáp: Hoặc tám, hoặc chín, hoặc mười, vô hình là tám, một hình là chín, hai hình là mười.

Hỏi: Tâm-tâm sở hiện tiền hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Khi hữu tình sinh nơi Vô tướng nên nói là hữu tướng hay vô tướng?

Đáp: Nên nói hữu tướng.

Như Đức Thế Tôn nói: “Các lúc ấy, bởi vì tướng khởi cho nên từ nơi hữu tướng kia mất”.

Hỏi: Khi từ hữu tướng kia mất, tướng kia nên nói là diệt hay không diệt?

Đáp: Nên nói là diệt.

Hỏi: Nên nói trụ xứ nào mà tướng ấy diệt?

Đáp: Nên nói là trụ ngay nơi xứ hữu tướng.

Hỏi: Tưởng kia nên nói là thiện hay vô ký?

Đáp: Hoặc thiện, hoặc vô ký.

Hỏi: Tưởng kia có bao nhiêu tùy miên tùy tăng?

Đáp: Duyên hữu lậu cõi Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu kiết trói buộc?

Đáp: Có sáu.

Như Đức Thế Tôn nói: “Tất cả hữu tình đều do ăn mà trụ”.

Hỏi: Hữu tình vô tướng dựa vào cách ăn gì mà trụ?

Đáp: Xúc-ý-tư-thức.

Hỏi: Nhãn căn thâm nhiếp bao nhiêu căn? Cho đến cụ tri căn thâm nhiếp bao nhiêu căn?

Đáp: Nhãn căn thâm nhiếp nhãn căn. Như nhãn căn, nhĩ-tỷ-thiệt-mạng, khổ, ưu căn cũng như vậy. Thân căn thâm nhiếp ba căn. Nữ căn thâm nhiếp nữ căn, phần ít của thân căn. Nam căn cũng như vậy. Ý căn thâm nhiếp ý căn và phần ít của ba căn. Như ý căn; lạc-hỷ-xả căn, năm căn như tín... cũng như vậy.

Vị tri đương tri căn thâm nhiếp vị tri đương tri căn, phần ít của chín căn. Như vị tri đương tri căn, dĩ tri căn, cụ tri căn cũng như vậy.

Hỏi: Tín lực cho đến Tuệ lực, Niệm giác chi, cho đến Xả giác chi, Chánh kiến cho đến Chánh định, pháp trí cho đến đạo trí, Không-Vô nguyện-Vô tướng thâm nhiếp bao nhiêu căn?

Đáp: Tín lực thâm nhiếp một căn và phần ít của ba căn. Như Tín lực, bốn lực còn lại cũng như vậy.

Niệm giác chi thâm nhiếp phần ít của bốn căn. Như Niệm giác chi, Trạch pháp, Tinh tiến, hỷ, định... giác chi cũng như vậy, pháp khác không thâm nhiếp căn.

Chánh kiến thâm nhiếp phần ít của bốn căn. Như Chánh kiến, Chánh cần, niệm- định cũng như vậy, còn lại không thâm nhiếp căn.

Pháp trí thâm nhiếp phần ít của bốn căn. Như pháp trí; loại trí-khổ trí-tập trí-diệt trí, đạo trí cũng như vậy.

Tha tâm trí thâm nhiếp phần ít của ba căn, thế tục trí thâm nhiếp phần ít của một căn.

Không thâm nhiếp phần ít của bốn căn. Như Không-Vô nguyện-Vô tướng cũng như vậy.

Hỏi: Ý căn có bao nhiêu căn tương ứng? Cho đến cụ tri căn có bao nhiêu căn tương ứng?

Đáp: Ý căn tương ứng với mười căn và phần ít của ba căn. Lạc căn-hỷ căn tương ứng với phần ít của chín căn. Khổ căn, ưu căn tương

ứng với phần ít của sáu căn. Tín căn tương ứng với bốn căn và phần ít của chín căn. Như Tín căn, Tinh tiến-Niệm-Định-Tuệ căn cũng như vậy. Vị tri đương tri căn tương ứng với vị tri đương tri căn và phần ít của chín căn. Như vị tri đương tri căn; dĩ tri căn và cụ tri căn cũng như vậy.

Hỏi: Tín lực cho đến Tuệ lực, Niệm giác chi cho đến Xả giác chi, Chánh kiến cho đến Chánh định, pháp trí cho đến đạo trí, không, vô nguyện, vô tướng có bao nhiêu căn tương ứng?

Đáp: Tín lực tương ứng với phần ít của bốn căn, chín căn. Như tín lực, bốn lực còn lại cũng như vậy.

Niệm giác chi tương ứng với phần ít của mười một căn. Như Niệm giác chi, Trạch pháp, Tinh tiến, Định giác chi cũng như vậy. Hỷ giác chi tương ứng với phần ít của chín căn, An, Xả giác chi tương ứng với ba căn và phần ít của chín căn. Chánh kiến tương ứng với phần ít của mười một căn. Như Chánh kiến, Chánh tư duy-Chánh cần-Chánh định cũng như vậy, còn lại không tương ứng với căn. Pháp trí tương ứng với phần ít của mười một căn. Như pháp trí-loại trí-khổ trí-tập trí-diệt trí-đạo trí cũng như vậy. Tha tâm trí tương ứng với phần ít của mười căn. Thế tục trí tương ứng với hai căn và phần ít của tám căn. Không-Vô nguyện-Vô tương ứng với phần ít của mười một căn.

Hỏi: Khi mất ở cõi Dục, sinh ở cõi Dục có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc bốn-hoặc chín, hoặc tám-hoặc mười ba; hoặc chín-hoặc mười bốn; hoặc mười, hoặc mười lăm. Người mạng chung dần thì tâm vô ký là bốn, tâm thiện là chín; kẻ mạng chung tức khắc, nếu vô hình thì tâm vô ký là tám, tâm thiện mười ba, nếu một hình thì tâm vô ký là chín, tâm thiện mười bốn, nếu hai hình thì tâm vô ký là mười, tâm thiện mười lăm.

Hỏi: Tâm-tâm sở diệt hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện tiền?

Đáp: Hoặc tám, hoặc chín, hoặc mười, vô hình là tám, một hình là chín, hai hình là mười.

Hỏi: Tâm-tâm sở hiện tiền hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Khi mất ở cõi Dục, sinh ở cõi Sắc có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc bốn, hoặc chín, hoặc chín, hoặc mười bốn. Người mạng chung dần thì tâm vô ký là bốn, tâm thiện là chín; kẻ mạng chung tức khắc thì tâm vô ký là chín, tâm thiện là mười bốn.

Hỏi: Tâm-tâm sở diệt hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện tiền?

Đáp: Có tám.

Hỏi: Tâm-tâm sở hiện tiền hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Khi mất ở cõi Dục, sinh ở cõi Vô sắc có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc bốn, hoặc chín, hoặc mười chín, hoặc mười bốn. Như trước đã nói.

Hỏi: Tâm-tâm sở diệt hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện tiền?

Đáp: Có ba.

Hỏi: Tâm-tâm sở hiện tiền hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Khi mất ở cõi Sắc, sinh nơi cõi Sắc có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc tám, hoặc mười ba, tâm vô ký là tám, tâm thiện là mười ba.

Hỏi: Tâm-tâm sở diệt hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện tiền?

Đáp: Có tám.

Hỏi: Tâm-tâm sở hiện tiền hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Khi mất ở cõi Sắc, sinh nơi cõi Dục có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc tám, hoặc mười ba, như trước đã nói.

Hỏi: Tâm-tâm sở diệt hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện tiền?

Đáp: Hoặc tám, hoặc chín, hoặc mười, như trước đã nói.

Hỏi: Tâm-tâm sở hiện tiền hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Khi mất ở cõi Sắc, sinh nơi cõi Vô sắc có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc tám, hoặc mười ba, như trước đã nói.

Hỏi: Tâm-tâm sở diệt hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện tiền?

Đáp: Có ba.

Hỏi: Tâm-tâm sở hiện tiền hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Khi mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Vô sắc có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc ba, hoặc tám, tâm vô ký là ba, tâm thiện là tám.

Hỏi: Tâm-tâm sở diệt hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện tiền?

Đáp: Có ba.

Hỏi: Tâm-tâm sở hiện tiền hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Khi mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Dục có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc ba, hoặc tám, như trước đã nói.

Hỏi: Tâm-tâm sở diệt hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện tiền?

Đáp: Hoặc tám, hoặc chín, hoặc mười, như trước đã nói.

Hỏi: Tâm-tâm sở hiện tiền hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Khi mất ở cõi Vô sắc, sinh nơi cõi Sắc có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc ba, hoặc tám, như trước đã nói.

Hỏi: Tâm-tâm sở diệt hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện tiền?

Đáp: Có tám.

Hỏi: Tâm-tâm sở hiện tiền hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Khi A-la-hán bát Niết-bàn, có bao nhiêu căn diệt sau cùng?

Đáp: Hoặc bốn, hoặc chín; hoặc tám, hoặc ba. Ở nơi cõi Dục, A-la-hán bát Niết-bàn dần dần là bốn, bát Niết-bàn tức khắc là chín, nơi cõi Sắc là tám, nơi cõi Vô sắc là ba.

Phẩm 5: BÀN VỀ NHẤT TÂM

*Tương ưng-duyên và không lìa xa,
 Tu-không tu và đạt được căn,
 Bỏ-được vị tri đương tri căn,
 Năm môn biện giải về hai trí,
 Tâm trí-vô sinh trí ban đầu,
 Sở duyên tận trí-vô sinh trí,
 Bảy chánh đạo tương ưng lẫn nhau,
 Nghĩa chương này xin nói đầy đủ.*

Hỏi: Các pháp với tâm cùng khởi-cùng trụ-cùng diệt, thì pháp ấy tương ứng với tâm chăng?

Đáp: Nếu pháp tương ứng với tâm, thì pháp đó sẽ cùng khởi-cùng trụ-cùng diệt với tâm. Có pháp cùng khởi-cùng trụ-cùng diệt với tâm, pháp ấy không phải tương ứng với tâm, nghĩa là tùy tâm chuyển biến sắc, tâm bất tương ứng hành.

Hỏi: Các pháp cùng khởi-cùng trụ-cùng diệt, thì pháp ấy cùng một sở duyên với tâm chăng?

Đáp: Nếu pháp có cùng một sở duyên với tâm, thì pháp ấy và tâm cùng khởi-cùng trụ-cùng diệt. Có pháp cùng khởi-cùng trụ-cùng diệt với tâm, pháp ấy không phải là một sở duyên của tâm, nghĩa là tùy tâm chuyển sắc, tâm bất tương ứng hành.

Hỏi: Các pháp cùng với tâm đồng thời khởi lên không lìa tâm, pháp đó cùng với tâm đồng thời trụ-đồng thời diệt không lìa tâm chăng?

Đáp: Hữu tình cõi Dục, Sắc không trụ nơi định vô tướng-diệt tận, đại chủng của các căn, cùng với tâm đồng thời khởi, không lìa tâm, cùng với tâm đồng thời trụ-đồng thời diệt, không lìa tâm. Nếu người trụ nơi định vô tướng-diệt tận, thì người ấy sẽ lìa tâm.

Hỏi: Như nói về không tu nhãn căn cho đến thân căn.

Thế nào là không tu nhãn căn cho đến thân căn?

Đáp: Nếu đối với nhãn căn, chưa lìa tham, chưa lìa mong mỏi khao khát vui thú. Nhưng, đạo vô gián có khả năng trừ hết tham sắc, mà lúc ấy đối với đạo vô gián này chưa tu mà chưa an. Như không tu nhãn căn; không tu nhĩ-tỷ-thiệt-thân căn cũng như vậy.

Hỏi: Như nói không tu ý căn.

Thế nào là không tu ý căn?

Đáp: Nếu đối với ý căn chưa lìa tham, chưa lìa mong mỏi khao khát vui thú. Nhưng đạo vô gián có khả năng trừ hết tham vô sắc, mà

lúc ấy đối với đạo này chưa tu và chưa an.

Hỏi: Như nói tu nhân căn cho đến thân căn.

Thế nào là tu nhân căn cho đến thân căn?

Đáp: Nếu đối với nhân căn, đã lìa tham, đã lìa mong mỗi khao khát vui thú. Đồng thời đạo vô gián có khả năng trừ hết tham sắc, lúc ấy đối với đạo này đã tu, đã an. Như tu nhân căn, nhĩ-tỷ-thiệt-thân căn cũng như vậy.

Hỏi: Như nói tu ý căn.

Thế nào là tu ý căn?

Đáp: Nếu đối với ý căn đã lìa tham, đã lìa mong mỗi khao khát vui thú. Đồng thời đạo vô gián có khả năng trừ hết tham vô sắc, lúc ấy đối với đạo này đã tu và đã an.

Hỏi: Các căn học không thành tựu được căn học, thì lúc ấy tất cả nhập Chánh tánh ly sinh chăng?

Đáp: Nếu nhập Chánh tánh ly sinh, thì lúc ấy tất cả không thành tựu căn học mà đạt được căn học. Có lúc không thành tựu căn học mà đạt được căn học, lúc ấy không phải là nhập Chánh tánh ly sinh, nghĩa là lúc quả A-la-hán lui sụt.

Hỏi: Các căn học không thành tựu mà được căn học, thì lúc ấy tất cả pháp Thế đệ nhất là đẳng vô gián chăng?

Đáp: Nếu pháp thế đệ nhất là đẳng vô gián, thì lúc ấy tất cả không thành tựu căn học, đạt được căn học. Có lúc không thành tựu căn học mà căn học đạt được, lúc ấy không phải pháp Thế đệ nhất là đẳng vô gián, nghĩa là khi quả A-la-hán lui sụt.

Hỏi: Bỏ căn vô lậu, được căn vô lậu, thì lúc ấy tất cả là từ quả đến quả chăng?

Đáp: Nếu từ quả đến quả, thì tất cả Thánh giả kia đều bỏ căn vô lậu, được căn vô lậu.

Có lúc bỏ căn vô lậu được căn vô lậu, mà lúc ấy không phải là từ quả đến quả, nghĩa là lúc hiện quán biên phát khởi đạo loại trí, hoặc là lúc A-la-hán giải thoát lúc luyện căn làm thành bất động.

Hỏi: Bỏ căn vô lậu, được căn vô lậu, lúc ấy tất cả căn vô lậu diệt hay là căn vô lậu khởi?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có bỏ căn vô lậu, được căn vô lậu mà lúc ấy không phải là căn vô lậu diệt hay căn vô lậu khởi, nghĩa là lúc thoái lui quả A-la-hán, Bất hoàn, Nhất lai; và lúc dùng đạo thế tục, đạt được quả Nhất lai và bất hoàn.

2. Có căn vô lậu diệt, căn vô lậu khởi, mà lúc ấy không phải là bỏ căn vô lậu, được căn vô lậu, nghĩa là đã được căn vô lậu diệt-khởi hiện ở trước mắt.

3. Có bỏ căn vô lậu, được căn vô lậu, mà lúc ấy cũng là căn vô lậu diệt, căn vô lậu khởi, nghĩa là lúc hiện quán biên phát khởi đạo loại trí và lúc dùng đạo vô lậu, đạt được quả Nhất lai, Bất hoàn, lúc đạt được quả A-la-hán, lúc A-la-hán giải thoát, lúc luyện căn làm thành bất động.

4. Không phải xả căn vô lậu, được căn vô lậu, lúc ấy cũng không phải là căn vô lậu diệt, căn vô lậu khởi, nghĩa là trừ các tướng trước.

Hỏi: Các vị tri đương tri căn, tất cả căn ấy đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán, có khả năng hiện quán chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có vị tri đương tri căn mà căn ấy không phải đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán, có khả năng hiện quán, nghĩa là vị tri đương tri căn ở quá khứ, hoặc vị lai.

2. Có căn đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán, có khả năng hiện quán mà căn đó không phải vị tri đương tri căn, nghĩa là các pháp không có căn đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán, có khả năng hiện quán.

3. Có vị tri đương tri căn mà căn ấy cũng đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán, có khả năng hiện quán, nghĩa là vị tri đương tri căn đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán, có khả năng hiện quán.

4. Không phải vị tri đương tri căn mà căn ấy cũng không phải đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán, có khả năng hiện quán, nghĩa là trừ các tướng trước.

Hỏi: Tận trí nên nói là tận trí cho đến đạo trí, nên nói có tâm có tứ, cho đến không có tâm không có tứ, nên nói lạc căn cho đến xả căn tương ứng, nên nói Không cho đến Vô nguyện-Vô tướng tương ứng, nên nói duyên hệ thuộc cõi Dục cho đến duyên không hệ thuộc chẳng? Như tận trí, vô sinh trí và Chánh kiến vô học cũng như vậy.

Đáp: Tận trí nên nói là tận trí, hoặc pháp trí, loại trí, hoặc khổ-tập-diệt-đạo trí; hoặc có tâm-có tứ; hoặc không có tâm, chỉ có tứ; hoặc không có tâm-không có tứ; hoặc tương ứng với lạc căn, hoặc tương ứng với hỷ-xả căn, hoặc tương ứng với Vô nguyện, hoặc tương ứng với Vô tướng, hoặc duyên hệ thuộc cõi Dục, hoặc duyên hệ thuộc cõi Sắc, hoặc duyên hệ thuộc cõi Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc. Như tận trí, vô sinh trí cũng như vậy.

Chánh kiến vô học nên nói là Chánh kiến vô học, hoặc pháp- loại-

tha tâm trí, hoặc khổ-tập-diệt-đạo trí; hoặc có tâm-có tứ; hoặc không có tâm, chỉ có tứ; hoặc không có tâm-không có tứ; hoặc tương ứng với lạc căn, hoặc tương ứng với hỷ, xả căn, hoặc tương ứng với Không, hoặc tương ứng với Vô nguyện, hoặc tương ứng với Vô tướng, hoặc duyên hệ thuộc cõi Dục, hoặc duyên hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc.

Hỏi: Các tận trí đầu tiên, lúc ấy tất cả là đạo vô gián đẳng vô gián chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu đạo vô gián là đẳng vô gián, thì lúc ấy tất cả là tận trí chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Các vô sinh trí đầu tiên, lúc ấy tất cả là tận trí đẳng vô gián chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu tận trí là đẳng vô gián, thì lúc ấy tất cả là vô sinh trí chẳng?

Đáp: Hoặc tận trí, hoặc vô sinh trí, hoặc Chánh kiến vô học.

Hỏi: Các duyên phát khởi đạo vô gián ấy, tức là duyên phát khởi tận trí ấy đầu tiên chẳng?

Đáp: Nếu duyên khởi sinh đạo vô gián thì duyên phát khởi tận trí ấy đầu tiên. Nếu không phải là duyên sinh khởi đạo vô gián thì không phải là duyên phát khởi tận trí ấy đầu tiên.

Hỏi: Các duyên phát khởi tận trí ấy, tức là duyên phát khởi vô sinh trí ấy chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu duyên phát khởi vô sinh trí ấy, thì đó là duyên phát khởi tận trí ấy chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Chánh kiến vô học, thì pháp đó tương ứng với Chánh tư duy vô học chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Chánh kiến vô học mà không phải Chánh kiến vô học, nghĩa là Chánh tư duy vô học tương ứng với Chánh tư duy vô học, và Chánh tư duy vô học không tương ứng với pháp tương ứng của Chánh kiến vô học.

2. Có pháp tương ứng với Chánh tư duy vô học mà không phải là Chánh tư duy vô học, nghĩa là Chánh kiến vô học tương ứng với Chánh

kiến vô học, và Chánh kiến vô học không tương ứng với pháp tương ứng của Chánh tư duy vô học.

3. Có pháp tương ứng với Chánh kiến vô học, cũng tương ứng với Chánh tư duy vô học, nghĩa là trừ ra Chánh kiến vô học tương ứng với Chánh tư duy vô học, và trừ ra Chánh tư duy vô học tương ứng với Chánh kiến vô học, còn lại các pháp tương ứng của Chánh kiến vô học và Chánh tư duy vô học.

4. Có pháp không tương ứng với Chánh kiến vô học, cũng không tương ứng với Chánh tư duy vô học, nghĩa là Chánh kiến vô học không tương ứng với Chánh tư duy vô học, Chánh tư duy vô học không tương ứng với Chánh kiến vô học, và trước kia vốn không thấu nhập tâm-tâm sở pháp cùng Sắc-Vô vi-tâm bất tương ứng hành.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Chánh kiến vô học, thì pháp đó tương ứng với Chánh cần vô học chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Chánh kiến vô học mà không phải là Chánh cần vô học, nghĩa là Chánh kiến vô học tương ứng với Chánh tư duy vô học.

2. Có pháp tương ứng với Chánh cần vô học mà không phải là Chánh kiến vô học, nghĩa là Chánh kiến vô học, và Chánh kiến vô học không tương ứng với pháp tương ứng của Chánh cần vô học.

3. Có pháp tương ứng với Chánh kiến vô học, cũng tương ứng với Chánh cần vô học, nghĩa là trừ Chánh kiến vô học tương ứng với Chánh cần vô học, còn lại các pháp tương ứng của Chánh kiến vô học.

4. Có pháp không tương ứng với Chánh kiến vô học, cũng không tương ứng với Chánh cần vô học, nghĩa là Chánh kiến vô học không tương ứng với Chánh cần vô học, và trước kia vốn không thấu nhập tâm-tâm sở pháp cùng Sắc-Vô vi-tâm bất tương ứng hành. Như đối với Chánh cần; đối với Chánh niệm-Chánh định-Chánh giải thoát cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Chánh kiến vô học, thì pháp đó không tương ứng với Chánh trí vô học chăng?

Đáp: Các pháp tương ứng với Chánh trí vô học, pháp đó không tương ứng với Chánh trí vô học.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Chánh tư duy vô học, thì pháp ấy tương ứng với Chánh cần vô học chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Chánh tư duy vô học mà không phải là

Chánh cần vô học, nghĩa là Chánh tư duy vô học tương ứng với Chánh cần vô học.

2. Có pháp tương ứng với Chánh cần vô học mà không phải Chánh cần vô học, nghĩa là Chánh tư duy vô học tương ứng với Chánh tư duy vô học, và Chánh tư duy vô học không tương ứng với pháp tương ứng của Chánh cần vô học.

3. Có pháp tương ứng với Chánh tư duy vô học, cũng tương ứng với Chánh cần vô học, nghĩa là trừ ra Chánh tư duy vô học tương ứng với Chánh cần vô học, còn lại các pháp tương ứng của Chánh tư duy vô học.

4. Có pháp không tương ứng với Chánh tư duy vô học, cũng không tương ứng với Chánh cần vô học, nghĩa là Chánh tư duy vô học không tương ứng với Chánh cần vô học, và trước kia vốn không thấu nhiếp tâm-tâm sở pháp cùng Sắc, Vô vi-tâm bất tương ứng hành.

Như đối với Chánh cần; đối với Chánh niệm-Chánh định-Chánh giải thoát cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Chánh tư duy vô học, thì pháp đó tương ứng với Chánh trí vô học chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Chánh tư duy vô học mà không phải Chánh trí vô học, nghĩa là Chánh trí vô học tương ứng với Chánh tư duy vô học, và Chánh trí vô học không tương ứng với pháp tương ứng của Chánh tư duy vô học.

2. Có pháp tương ứng với Chánh trí vô học mà không phải Chánh trí vô học, nghĩa là Chánh tư duy vô học tương ứng với Chánh tư duy vô học, và Chánh tư duy vô học không tương ứng với pháp tương ứng của Chánh trí vô học.

3. Có pháp tương ứng với Chánh tư duy vô học, cũng tương ứng với Chánh trí vô học, nghĩa là trừ ra Chánh tư duy vô học tương ứng với Chánh trí vô học, và trừ ra Chánh trí vô học tương ứng với Chánh tư duy vô học, còn lại các pháp tương ứng của Chánh trí và Chánh tư duy vô học khác.

4. Có pháp không tương ứng với Chánh tư duy vô học, cũng không tương ứng với Chánh trí vô học, nghĩa là Chánh tư duy vô học không tương ứng với Chánh trí vô học, Chánh trí vô học không tương ứng với Chánh tư duy vô học. Và trước kia vốn không thấu nhiếp tâm-tâm sở pháp cùng Sắc Vô vi-tâm bất tương ứng hành.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Chánh cần vô học, thì pháp đó tương

ứng với Chánh niệm vô học chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Chánh cần vô học mà không phải là Chánh niệm vô học, nghĩa là Chánh niệm vô học.

2. Có pháp tương ứng với Chánh niệm vô học mà không phải là Chánh cần vô học, nghĩa là Chánh cần vô học.

3. Có pháp tương ứng với Chánh cần vô học, cũng tương ứng với Chánh niệm vô học, nghĩa là trừ ra Chánh cần vô học và Chánh niệm vô học, còn lại các pháp tương ứng của Chánh niệm và Chánh cần vô học.

4. Có pháp không tương ứng với Chánh cần vô học, cũng không tương ứng với Chánh niệm vô học, nghĩa là trước kia vốn không thấu nhiếp tâm-tâm sở pháp và Sắc vô vi-tâm bất tương ứng hành.

Như đối với Chánh niệm; đối với Chánh định-Chánh giải thoát cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Chánh cần vô học, thì pháp đó tương ứng với Chánh trí vô học chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Chánh cần vô học mà không phải Chánh trí vô học, nghĩa là Chánh trí vô học, và Chánh trí vô học không tương ứng với pháp tương ứng của Chánh cần vô học.

2. Có pháp tương ứng với Chánh trí vô học mà không phải là Chánh cần vô học, nghĩa là Chánh trí vô học tương ứng với Chánh cần vô học.

3. Có pháp tương ứng với Chánh cần vô học, cũng tương ứng với Chánh trí vô học, nghĩa là trừ ra Chánh trí vô học tương ứng với Chánh cần vô học, còn lại các pháp tương ứng của Chánh trí.

4. Có pháp không tương ứng với Chánh cần vô học, cũng không tương ứng với Chánh trí vô học, nghĩa là Chánh trí vô học không tương ứng với Chánh cần vô học, trước kia vốn không thấu nhiếp tâm-tâm sở pháp cùng Sắc vô vi-tâm bất tương ứng hành.

Như đối với Chánh cần; đối với Chánh niệm-Chánh định cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Chánh giải thoát vô học, thì pháp đó tương ứng với Chánh trí vô học chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu để phân biệt:

1. Có pháp tương ứng với Chánh giải thoát vô học mà không phải Chánh trí vô học, nghĩa là Chánh trí vô học, và Chánh trí vô học không

tương ứng với pháp tương ứng của Chánh giải thoát vô học.

2. Có pháp tương ứng với Chánh trí vô học mà không phải là Chánh giải thoát vô học, nghĩa là Chánh trí vô học tương ứng với Chánh giải thoát vô học.

3. Có pháp tương ứng với Chánh giải thoát vô học, cũng tương ứng với Chánh trí vô học, nghĩa là trừ ra Chánh trí vô học tương ứng với Chánh giải thoát vô học, còn lại các pháp tương ứng của Chánh trí.

4. Có pháp không tương ứng với Chánh giải thoát vô học, cũng không tương ứng với Chánh trí vô học, nghĩa là Chánh trí vô học không tương ứng với Chánh giải thoát vô học, và trước kia vốn không thâm nhập tâm-tâm sở pháp và Sắc vô vi-tâm bất tương ứng hành.

